

Số 01/QĐ-HĐQL

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính  
Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTC ngày 09/01/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Quyết định 66/2007/QĐ-BTC ngày 31/7/2007 của Bộ Tài chính về Quy chế hoạt động của của Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định các hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ "Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo" tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên ngày 01/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo gồm 5 chương và 20 điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản lý Quỹ, Ban giám đốc Quỹ, Văn phòng Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/hiện);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (b/c);
- BTV Hội LHPN tỉnh (chỉ đạo);
- Ban điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ (t/h);
- Hội LHPN các huyện, thành, thị;
- Lưu: VT, KT.

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Thị Quỳnh Hương

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**  
**CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Ban hành tại Quyết định số 41./QĐ-HĐQL ngày 29./12./2017 của Hội đồng quản lý  
Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên)

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Cơ sở pháp lý**

1. Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là Quỹ) thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Thái Nguyên (thông qua Sở Tài chính), quản lý về lĩnh vực hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan có liên quan về lĩnh vực Quỹ hoạt động.
2. Quỹ có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại để giao dịch.
3. Trụ sở của Quỹ đặt tại trụ sở cơ quan Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên: Số 3, Đường Đội Cấn, Phường Trung Vương, Thành phố Thái Nguyên.

**Điều 2: Mục đích hoạt động**

Hỗ trợ hội viên phụ nữ chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở địa phương; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hoá, dịch vụ đạt chất lượng hiệu quả cao.

**Điều 3: Nguyên tắc hoạt động**

1. Hoạt động Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện tín dụng hỗ trợ nhưng phải bảo toàn, phát triển vốn và bù đắp chi phí quản lý.
2. Tự chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ trước Pháp luật, tuân thủ các quy định về nghiệp vụ tài chính, tín dụng theo quy định hiện hành.
3. Hoạt động theo Điều lệ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 13/11/2017.

**CHƯƠNG II**  
**NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**Điều 4: Nguồn vốn hoạt động**

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ:

1. Vốn vận động cán bộ, hội viên phụ nữ, các tập thể, doanh nghiệp, các cá nhân hảo tâm trong và ngoài nước ủng hộ phù hợp với quy định của pháp luật;
2. Vốn tiếp nhận tài trợ từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
3. Vốn ủy thác của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (nếu có);

4. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (nếu có), bao gồm:

- Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước giao;
- Thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng.

5. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

6. Thu từ lãi tiền gửi;

7. Các khoản thu hợp pháp khác.

#### **Điều 5: Vận động tạo nguồn vốn**

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước của Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

3. Đối với khoản tài trợ, quyên góp, ủng hộ phải thực hiện chi đầy đủ 100% ngay sau khi nhận được tiền và tài sản. Đối với những khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

#### **Điều 6: Quy định về sử dụng vốn**

Quỹ là nguồn vốn mua trâu/bò nái sinh sản cho hội viên phụ nữ nghèo. Khi trâu/bò nái sinh bê con sẽ luân chuyển trâu/bò nái cho hộ gia đình khác chăn nuôi để gia tăng số lượng đàn trâu/bò; Hỗ trợ phụ nữ nghèo, phụ nữ có nhu cầu khởi nghiệp vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh. Tài trợ theo sự ủy nhiệm của cá nhân, tổ chức và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7: Đối tượng được hỗ trợ mua trâu/bò nái sinh sản và vay vốn để khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh**

1. Là phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo, phụ nữ có thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế, phụ nữ có nhu cầu khởi nghiệp.

2. Người nhận hỗ trợ, tài trợ phải được bình xét tại cụm, nhóm, cộng đồng nơi sinh sống và được chính quyền địa phương xác nhận.

#### **Điều 8: Đối với hỗ trợ mua trâu/bò nái sinh sản**

1. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ phải có đủ các điều kiện sau:

1.1. Thuộc đối tượng được vay vốn từ Quỹ quy định tại Điều 7 Quy chế này.

1.2. Là hội viên sinh sống thường xuyên tại địa phương, tự nguyện tham gia mô hình chăn nuôi trâu/bò nái sinh sản.

1.3. Có khả năng về sức lao động, tự nguyện, cam kết tham gia đầy đủ các hoạt động.

1.4. Có chuồng trại đáp ứng yêu cầu sau:

a, Vị trí ở những khu vực có không gian rộng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Khoảng cách từ chuồng trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m.

b, Nơi xây dựng chuồng trại cao, thoáng mát, có nguồn nước sạch; đảm bảo điều kiện xử lý chất thải theo quy định. Chuồng chăn nuôi phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định hiện hành (có tường hoặc hàng rào bao quanh, có hố khử trùng bố trí hợp lý theo thiết kế của chuồng về vị trí, hướng, kích thước, khoảng cách giữa các dãy chuồng, nền chuồng, rãnh thoát nước đối với sàn, mái, đường thoát nước thải...).

1.5. Có diện tích trồng cỏ với định mức 01 sào cỏ/01 con trâu/ bò.

2. Quy mô hỗ trợ/cho vay: Mỗi hộ được cho vay từ 1-2 con trâu/bò giống.

3. Thời gian các hộ chăn nuôi trâu/bò: 24 tháng.

4. Cơ chế thực hiện: Sau khi trâu/bò mẹ sinh bê con, sẽ luân chuyển trâu/bò mẹ cho hộ nghèo khác chăn nuôi và chăm sóc, bê con để lại cho hộ gia đình tiếp tục chăn nuôi.

5. Sau khi trâu/bò nái đã già hết khả năng sinh sản, Hội đồng quản lý Quỹ tiến hành bán đấu giá và bán thanh lý trâu/bò nái. Số tiền thanh lý trâu/bò sẽ nộp về Quỹ.

6. Quy trình thực hiện và xử lý các tình huống diễn ra trong quá trình chăn nuôi và chăm sóc trâu/bò nái (Có hướng dẫn chi tiết kèm theo).

### **Điều 9: Đối với vay vốn để khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh**

1. Điều kiện để được vay vốn

Đối tượng được Quỹ xem xét cho vay vốn phải có đủ các điều kiện sau:

1.1. Thuộc đối tượng được vay vốn từ Quỹ quy định tại Điều 7 Quy chế này.

1.2. Là hội viên sinh sống thường xuyên tại địa phương, tự nguyện tham gia nhóm phụ nữ vay vốn-tiết kiệm.

1.3. Vay vốn để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

2. Nguyên tắc cho vay vốn

2.1. Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích và hoàn trả đúng thời hạn cả gốc và lãi.

2.2. Phụ nữ được vay vốn không phải thế chấp, cầm cố tài sản.

2.3. Trường hợp phụ nữ vay vốn sử dụng vốn không đúng mục đích, Quỹ phải có ngay biện pháp để thu hồi vốn.

3. Mức cho vay

### 3.1. Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo

- Mức cho vay tối đa: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Thời gian vay vốn: Tối đa 36 tháng.
- Mức lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ phù hợp với lãi suất cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội tại từng thời điểm. Mức lãi suất cho vay áp dụng hiện tại là 0,6%/tháng (7,2%/năm); Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất khi cho vay.

### 3.2. Đối tượng khác

- Mức cho vay tối đa: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Thời gian vay vốn: Tối đa 36 tháng.
- Mức lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ phù hợp với lãi suất cho vay hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn của Ngân hàng Chính sách xã hội tại từng thời điểm. Mức lãi suất cho vay áp dụng hiện tại là 0,75%/tháng (9,0%/năm); Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất khi cho vay.

### 4. Hồ sơ vay vốn

Áp dụng theo Điều 9, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

## **CHƯƠNG III QUY CHẾ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ**

### **Điều 10: Quy định về thu lãi, thu gốc**

1. Thu lãi: Mức thu lãi suất cho vay Quỹ thực hiện thống nhất theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ từng thời điểm. Lãi suất được tính theo số ngày thực vay. Việc trả lãi được thực hiện theo kỳ, tối đa 03 tháng/kỳ, nộp vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản.

2. Đối với nguồn vốn Quỹ do tổ chức, cá nhân tài trợ, ủy thác mà có yêu cầu riêng về mức lãi suất cho vay, phải đảm bảo không vượt quá mức lãi suất cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

3. Thu gốc: Người vay trả gốc 01 lần khi hết thời hạn vay hoặc có thể trả gốc trước hạn từ 5 đến 10 ngày. Đến hạn trả gốc người vay vốn phải thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trường hợp được chuyển nợ quá hạn phải chịu mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất nợ trong hạn.

### **Điều 11: Quy định về tỷ lệ phân bổ lãi suất**

1. Quỹ cho hội viên phụ nữ vay vốn với mức lãi suất với từng đối tượng vay vốn quy định tại điểm 3.1, 3.2 khoản 3 điều 9 chương II.

2. Tỷ lệ phân bổ lãi thu từ nguồn vốn Quỹ như sau:

- Nguồn vốn do Trung ương cấp (nếu có)

+ Trung ương Hội: 30%.

+ Cấp tỉnh: 20%

+ Cấp huyện: 20%

+ Cấp cơ sở: 30%

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp, vốn vận động xây dựng được

+ Cấp tỉnh: 40%

+ Cấp huyện: 30%

+ Cấp cơ sở: 30%

*(Có quyết định ban hành mức lãi suất cụ thể cho từng thời kỳ)*

### **Điều 12: Trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro (DPRR)**

1. Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro (DPRR) để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan bất khả kháng phát sinh trong quá trình cho vay như thiên tai (bão, lũ, lụt, hạn hán), hoả hoạn, dịch bệnh và các nguyên nhân bất khả kháng khác. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ DPRR tín dụng, số dư của Quỹ được chuyển sang năm sau.

2. Mức trích lập quỹ DPRR tín dụng hàng năm được tính bằng 0,05% trên tổng số dư nợ của Quỹ đang cho vay tại thời điểm 31/12 hàng năm. Mức trích lập tối đa bằng 10% dư nợ tại thời điểm 31/12. Phần vượt (nếu có) được bổ sung vốn hoạt động (theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Quyết định 66/2007/QĐ-BTC ngày 31/7/2007).

3. Khi quỹ DPRR chưa sử dụng phải để lại trong tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng thương mại nơi đăng ký tài khoản giao dịch và được theo dõi trong hệ thống sổ sách kế toán theo quy định.

4. Hội LHPN tỉnh và Quỹ không được sử dụng tiền quỹ DPRR để chi cho các hoạt động khác. Số tiền quỹ DPRR được hạch toán vào chi phí hàng năm. Nếu thực tế không sử dụng để xử lý rủi ro thì không được coi là một khoản chi, vì vậy kế toán không được lập phiếu chi.

### **Điều 13: Thu nhập của Quỹ**

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản:

1. Thu lãi cho vay trợ giúp hội viên phụ nữ.

2. Thu phí nhận ủy thác cho vay lại theo hợp đồng ủy thác: Phí nhận ủy thác cho vay là phần phí được hưởng từ việc nhận ủy thác cho vay của Quỹ do các tổ chức, cá nhân tài trợ, ủy thác vốn cho quỹ.

3. Thu lãi tiền gửi trên tài khoản của Quỹ gửi tại Ngân hàng nơi Quỹ mở tài khoản;

4. Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14: Quy định về tỷ lệ chi phí thu nhập Quỹ**

1. Chi phí cho hoạt động nghiệp vụ bằng 10%

- Chi trả lãi hoặc phí cho khoản vốn vận động, tiếp nhận tài trợ từ các tổ chức; cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);

- Chi trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo qui định tại điều 12 Quy chế này;

- Chi phí nghiệp vụ khác.

2. Chi cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ tối thiểu bằng 30% tổng số phí thực thu

- Chi lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản phải nộp theo lương cho cán bộ, nhân viên của Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Mục chi này chỉ thực hiện đối với người lao động làm việc trực tiếp tại Quỹ không thuộc diện hưởng lương do cơ quan Hội LHPN tỉnh chi trả (nếu có).

- Chi phụ cấp cho cán bộ thuộc biên chế của cơ quan Hội LHPN tỉnh được phân công trực tiếp quản lý, điều hành Quỹ. Mức chi tối đa không quá 0,8 lần lương hiện hưởng theo ngạch bậc của cán bộ Hội được phân công quản lý, điều hành Quỹ.

- Chi phụ cấp cho cán bộ tham gia Hội đồng quản lý Quỹ, cán bộ Ban kiểm soát Quỹ theo quyết định phân công của Hội đồng quản lý Quỹ. Mức chi không quá 10% lương theo ngạch, bậc và phụ cấp của cán bộ đó hiện hưởng.

3. Chi công vụ tối thiểu bằng 60% tổng số phí thực thu

- Chi công tác phí cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ đi công tác trong và ngoài nước mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Chi mua sắm vật tư, thiết bị văn phòng; văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo và các vật liệu khác phục vụ hoạt động của Quỹ.

- Chi phí dịch vụ thanh toán.

- Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi mua sắm công cụ lao động (đối với tài sản thuộc quyền quản lý của Quỹ).

- Chi cước phí bưu điện và điện thoại: Chi in ấn phong bì, tem thư, chuyển phát nhanh công văn giấy tờ của Quỹ, chi phí lắp đặt và cước phí hàng tháng đối với điện thoại cố định nơi làm việc phục vụ hoạt động của Quỹ.

- Chi phí thuê tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động của Quỹ.

- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, tham quan học tập, đào tạo cán bộ Quỹ theo quy định của Nhà nước đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quỹ được chi hỗ trợ tiền ăn, thuê chỗ nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho đại biểu tham dự theo mức chi quy định Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Chi phí tuyên truyền, in ấn tài liệu, giao dịch, đối ngoại, tiếp khách theo quy định của pháp luật.

- Chi cho công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán đối với hoạt động Quỹ.

- Chi khen thưởng hàng năm.

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ quá hạn.

- Các khoản chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 15: Phân phối chênh lệch thu chi**

- Chênh lệch thu chi của Quỹ được xác định là tổng số thu nhập được hưởng trong năm, trừ đi tổng số chi phí trong năm số tiền còn lại được phân phối như sau:

- Chênh lệch thu, chi hàng năm của Quỹ được phân phối như sau:

+ Trích quỹ phúc lợi cơ quan Hội LHPN tỉnh: Tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm của Quỹ.

+ Toàn bộ chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích quỹ phúc lợi, nếu còn được bổ sung vào nguồn vốn hoạt động.

+ Trường hợp số thu nhỏ hơn số chi trong năm: Phần chênh lệch thiếu được chuyển năm sau để bù đắp.

#### **Điều 16: Chế độ hạch toán và kế toán**

1. Quỹ thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Quỹ có trách nhiệm thực hiện việc mở sổ sách kế toán, ghi chép chứng từ và thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng chế độ quy định.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

4. Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính năm, thực hiện quyết toán tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Hàng quý, năm Quỹ có trách nhiệm gửi các báo cáo tài chính cho Sở Tài chính tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng quản lý Quỹ.

a) Các loại báo cáo:

- Bảng cân đối tài khoản cấp III.
- Bảng cân đối kế toán (bảng tổng kết tài sản).
- Báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính.

b) Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo quý gửi chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- Báo cáo năm của Quỹ phải được Hội đồng quản lý Quỹ tỉnh thông qua và gửi cho Sở Tài chính tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên chậm nhất trong vòng 45 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính.

## **CHƯƠNG IV KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 17: Khen thưởng**

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

### **Điều 18: Kỷ luật**

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

## **CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 19: Tổ chức thực hiện**

- Hội đồng quản lý Quỹ xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ.

- Ban quản lý Quỹ căn cứ vào Quy chế tổ chức triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hàng năm trình Hội đồng quản lý quỹ phê duyệt. Kiểm tra việc chấp hành của Quỹ đối với việc thực hiện Quy chế này. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

- Quy chế quản lý tài chính Quỹ được phổ biến đến tất cả các cấp Hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thống nhất thực hiện.

**Điều 20: Sửa đổi, bổ sung quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Quy chế này do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Quỳnh Hương  
CHỦ TỊCH HỘI LHPN TỈNH**